

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHƯỚC LONG  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2022

***Về việc tranh chấp ly hôn  
và nuôi con khi ly hôn***

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Đang**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà **Đỗ Thị Gành**

Bà **Nguyễn Hồng Lành**

***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 81/2022/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022, về việc: "***Tranh chấp ly hôn và nuôi con***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Ng V** – sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh T.

*Bị đơn:* Anh **Lưu T M** – sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh T.

Chị V và anh M vắng mặt tại phiên tòa

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị V xác định chị và anh M sống chung từ năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết

hôn. Do thời gian sống chung có nhiều mâu thuẫn, nên ly thân khoảng 4 năm nay. Trong thời gian ly thân cả hai không tới lui thăm nom, quan tâm chăm sóc nhau, hiện tại chị V đã không còn tình cảm vợ chồng với anh M, hôn nhân không thể tiếp tục được, nên chị V yêu cầu ly hôn anh M.

- Về con chung: Chị V và anh M có hai con chung là Lưu Ng K Th sinh ngày 31 tháng 7 năm 2016 và Lưu V Th sinh ngày 21 tháng 7 năm 2018. Hai con đang sống chung chị V. Hai con sống chung chị vệ từ khi chị V và anh M ly thân đến nay, khi ly hôn chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 chị V có đơn rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với anh M.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị V xác định chị và anh M không có tài sản chung, cũng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Lời trình bày của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn:*

- Về hôn nhân: Anh M xác định anh và chị V ly thân khoảng 4 năm nay. Trong thời gian ly thân anh M sống tại nhà cha ruột của anh, còn chị V và các con vẫn sống tại nhà mẹ ruột chị V. Anh M không đồng ý ly hôn chị V vì thương con còn nhỏ.

- Về con: Anh M thống nhất trình bày của chị V về con chung. Tuy nhiên anh M yêu cầu được nuôi con chung là Lưu V Th.

- Về tài sản và nợ: Anh M xác định anh và chị V không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Ng V ly hôn anh Lưu T M

+ Về con: Giao cháu Lưu Ngọc K Th sinh ngày 31 tháng 7 năm 2016 và Lưu V Th sinh ngày 21 tháng 7 năm 2018 cho chị H trực tiếp nuôi.

+ Tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết;

+ Chị V phải chịu án phí 300.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi nghe ý kiến phát biểu đề

xuất của Kiểm sát viên; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khi chị V yêu cầu ly hôn anh M, anh M có nơi cư trú tại xã X, huyện H; Nên Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị V và anh M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị V và anh M là phù hợp quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

- Chị V và anh M sống chung từ năm 2015 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã X cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Do đời sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nên chị V và anh M ly thân khoảng 4 năm nay, hiện tại chị V không còn tình cảm vợ chồng với anh M, nên yêu cầu ly hôn anh M.

- Về phía anh M: Mặc dù anh M không đồng ý ly hôn với lý do là vợ chồng không có mâu thuẫn và anh thương con còn nhỏ. Nhưng qua lời khai anh M cho thấy trong khoảng thời gian 04 năm ly thân, anh và chị V không tới lui thăm nhau, không có hành động hàn gắn hôn nhân, cả hai không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị V và anh M đang lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 19 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V, cho chị V được ly hôn anh M.

[4] Về con chung: Về quyền trực tiếp nuôi con: Chị V và anh M có hai con chung Lưu Ngọc K Th sinh ngày 31 tháng 7 năm 2016 và Lưu V Th sinh ngày 21 tháng 7 năm 2018. Chị V yêu cầu nuôi hai con chung, anh M yêu cầu nuôi cháu Th. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Th và cháu Th đã có cuộc sống chung ổn định với chị V khoảng 4 năm nay, để đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống ổn định của các cháu, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Th và cháu Th cho chị V trực tiếp nuôi. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị V rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 định chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị V.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị V và anh M không có tài sản chung, không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp như Hội đồng xét xử phân tích nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm:

- Buộc chị Nguyễn Ng V chịu án phí số tiền 300.000đ, chị V đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ, chuyển sang thu án phí.

- Anh Lưu T M không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 5, 28, 35, 39, 92, 147, 217, 228, 244, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 9, 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ng V được ly hôn anh Lưu T M.
2. Về con chung: Về quyền trực tiếp nuôi con: Giao cháu Lưu Ngọc K Th sinh ngày 31 tháng 7 năm 2016 và Lưu V Th sinh ngày 21 tháng 7 năm 2018 cho chị V trực tiếp nuôi. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị V đối với anh M.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Ng V phải chịu án phí số tiền 300.000đ, chị V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0005070 ngày 02 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long số tiền 300.000đ, chuyển thu án phí số tiền 300.000đ. Anh Lưu T M không phải chịu án phí.
5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.
6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Phan Thị Đang**